



Vietnamese (Tiếng Việt)

Nghi thức giới thiệu

Biển báo chữ thập

Nhân danh Chúa Cha, và của Con,
và của Chúa Thánh Thần.

Amen

Lời chào

Ân sủng của Chúa Jesus Christ
của chúng ta, và tình yêu của
Chúa, và sự hiệp thông của Chúa
Thánh Thần ở bên tất cả các bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Hành động sám hối

Anh em (anh chị em), chúng ta
hãy thừa nhận tội lỗi của mình, Và
vì vậy hãy chuẩn bị để ăn mừng
những bí ẩn thiêng liêng.

Tôi thú nhận với Chúa toàn năng
Và với bạn, anh chị em của tôi,
rằng tôi đã phạm tội rất nhiều,
trong suy nghĩ của tôi và trong lời
nói của tôi, trong những gì tôi đã
làm và trong những gì tôi đã
không làm, thông qua lỗi của tôi,
thông qua lỗi của tôi, thông qua
lỗi đau buồn nhất của tôi; Vì vậy,
tôi hỏi Mary Ever-irgin, Tất cả các
thiên thần và các vị thánh, Và
bạn, anh chị em của tôi, để cầu
nguyện cho tôi với Chúa, Thiên
Chúa của chúng ta.

Cầu mong Chúa toàn năng thương
xót chúng ta, tha thứ cho chúng
ta tội lỗi của chúng ta, Và đưa
chúng ta đến cuộc sống vĩnh cửu.

Amen

Esperanto (Esperanto)

Enkondukaj ritoj

Signo de la kruco

En la nomo de la Patro kaj de la
Filo kaj de la Sankta Spirito.

Amen

Saluto

La graco de nia Sinjoro Jesuo
Kristo, kaj la amo de Dio, kaj la
komuneco de la Sankta Spirito estu
kun vi ĉiuj.

Kaj kun via spirito.

PENITENTA AKTO

Fratoj (fratoj kaj fratinoj), ni
agnosku niajn pekojn, Kaj do
preparu nin por festi la sanktajn
misterojn.

Mi konfesas ĉiopova Dio Kaj al vi,
miaj fratoj kaj fratinoj, ke mi multe
pekis, en miaj pensoj kaj laŭ miaj
vortoj, en tio, kion mi faris kaj en
tio, kion mi malsukcesis fari, Tra
mia kulpo, Tra mia kulpo, per mia
plej serioza kulpo; Tial mi petas
Blessed Mary ĉiam-virginon, ĉiuj
anĝeloj kaj sanktuloj, kaj vi, miaj
fratoj kaj fratinoj, preĝi por mi al la
Sinjoro, nia Dio.

Ĉiopova Dio kompatu nin, pardonu
al ni niajn pekojn, kaj venigu nin al
eterna vivo.

Amen

Vietnamese (Tiếng Việt)

Kyrie

Chúa có lòng thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Chúa ơi, xin thương xót.

Chúa ơi, xin thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Gloria

Vinh quang Đức Chúa Trời cao cả nhất, và hòa bình trên trái đất cho những người có thiện chí. Chúng tôi khen ngợi bạn, chúng tôi chúc phúc cho bạn, Chúng tôi yêu mến bạn, chúng tôi tôn vinh bạn, chúng tôi cảm ơn bạn vì vinh quang to lớn của bạn, Lạy Chúa là Vua trên trời, Lạy Chúa là Cha toàn năng. Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Độc Sinh, Lạy Chúa là Thiên Chúa, Chiên Con của Chúa, Con của Cha, bạn lấy đi tội lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi; bạn lấy đi tội lỗi của thế giới, nhận lời cầu nguyện của chúng tôi; bạn đang ngồi bên hữu Đức Chúa Cha, Hãy thương xót chúng tôi. Đối với bạn một mình là Đấng Thánh, một mình bạn là Chúa, một mình bạn là Đấng Tối Cao, Chúa ơi, với Chúa Thánh Thần, trong vinh quang của Đức Chúa Trời là Cha. Amen.

Sứ tầm

Hãy cùng cầu nguyện.

Amen.

Phụng vụ của từ

Esperanto (Esperanto)

Kyrie

Sinjoro, kompatu.

Sinjoro, kompatu.

Kristo, kompatu.

Kristo, kompatu.

Sinjoro, kompatu.

Sinjoro, kompatu.

Gloria

Gloro al Dio en la plej alta, Kaj sur la tero paco al homoj de bona volo. Ni laŭdas vin, Ni benas vin, Ni adoras vin, Ni gloras vin, Ni donas al vi dankon pro via granda gloro, Sinjoro Dio, Ĉiela Reĝo, Ho Dio, Ĉiopova Patro. Sinjoro Jesuo Kristo, nur naskita Filo, Sinjoro Dio, Ŝafido de Dio, Filo de la Patro, vi forprenas la pekojn de la mondo, kompatu nin; vi forprenas la pekojn de la mondo, ricevi nian preĝon; Vi sidas dekstre de la Patro, Kompatu nin. Por vi sola estas la Sanktulo, Vi sola estas la Sinjoro, Vi sola estas la plej alta, Jesuo Kristo, kun la Sankta Spirito, En la gloro de Dio la Patro. Amen.

Kolektu

Ni preĝu.

Amen.

Liturgio de la vorto

Vietnamese (Tiếng Việt)

Lần đầu đọc

Lời của Chúa.

Tạ ơn thần.

Thi thiên đáp ứng

Đọc thứ hai

Lời của Chúa.

Tạ ơn thần.

Sách Phúc Âm

Chúa ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Bài đọc Phúc âm thánh theo N.

Vinh quang cho bạn, hỡi Chúa

Tin Mừng của Chúa.

Lạy Chúa Giêsu Kitô, ngợi khen
Chúa.

Tuyên xưng đức tin

Tôi tin vào một Chúa, Cha toàn năng, người tạo ra trời và đất, của tất cả những thứ hữu hình và vô hình. Tôi tin vào một Chúa Giê-xu Christ, Con Độc Sinh của Đức Chúa Trời, sinh ra bởi Cha trước mọi thời đại. Chúa từ Chúa, Ánh sáng từ ánh sáng, Chúa thật từ Chúa thật, được sinh ra, không được tạo dựng, hợp thể với Đức Chúa Cha; Nhờ Ngài, tất cả mọi thứ đã được thực hiện. Đối với loài người chúng ta và vì sự cứu rỗi của chúng ta, Ngài đã từ trời xuống, và bởi Chúa Thánh Thần đã nhập thể của Đức Trinh Nữ Maria, và trở thành người đàn ông. Vì lợi ích của chúng tôi, ông ấy đã bị đóng đinh dưới tay

Esperanto (Esperanto)

Unua legado

La Vorto de la Sinjoro.

Dankon al Dio.

Respondeca Psalmoj

Dua legado

La Vorto de la Sinjoro.

Dankon al Dio.

Evangelio

La Sinjoro estu kun vi.

Kaj kun via spirito.

Legado de la Sankta Evangelio laŭ N.

Gloro al vi, ho Sinjoro

La Evangelio de la Sinjoro.

Laŭdo al vi, Sinjoro Jesuo Kristo.

Profesio de Kredo

Mi kredas je unu dio, la Patro Ĉiopova, fabrikisto de la ĉielo kaj tero, de ĉiuj aferoj videblaj kaj nevideblaj. Mi kredas je unu Sinjoro Jesuo Kristo, la sola naskita Filo de Dio, naskita de la patro antaŭ ĉiuj aĝoj. Dio de Dio, Lumo de lumo, Vera Dio de Vera Dio, naskita, ne farita, konsubstanca kun la Patro; Per li ĉio estis farita. Por ni viroj kaj por nia savo Li malsupreniris de la ĉielo, kaj per la Sankta Spirito estis enkarniĝinta de la Virgulino Maria, kaj fariĝis viro. Pro ni li estis krucumita sub Pontius Pilate, Li suferis morton kaj estis entombigita, kaj leviĝis denove en la tria tago konforme al la Skriboj. Li supreniris en la ĉielon

Vietnamese (Tiếng Việt)

Pontius Pilate, anh ta phải chịu cái chết và được chôn cất, và tăng trở lại vào ngày thứ ba phù hợp với Kinh thánh. Anh ấy lên trời và ngự bên hữu Đức Chúa Cha. Ngài sẽ trở lại trong vinh quang phán xét người sống và người chết và vương quốc của anh ấy sẽ không có hồi kết. Tôi tin vào Chúa Thánh Thần, Chúa, Đấng ban sự sống, người đến từ Chúa Cha và Chúa Con, ai ở với Cha và Con được tôn thờ và tôn vinh, người đã nói qua các tiên tri. Tôi tin vào một Giáo hội thánh thiện, công giáo và tông truyền. Tôi tuyên xưng một Phép Rửa để được tha tội và tôi mong chờ sự sống lại của người chết và cuộc sống của thế giới sắp tới. Amen.

Bài giảng

Cầu nguyện phổ quát

Chúng tôi cầu nguyện với Chúa.

Lạy Chúa, xin nghe lời cầu nguyện của chúng con.

Phụng vụ của Bí tích Thánh Thể

Vật phẩm

Chúc tụng Chúa đến muôn đời.

Cầu nguyện, anh em (anh chị em), rằng sự hy sinh của tôi và của bạn có thể được Đức Chúa Trời chấp nhận, Cha toàn năng.

Xin Chúa chấp nhận sự hy sinh trong tay bạn vì sự ngợi khen và vinh quang danh Ngài, vì lợi ích của chúng tôi và sự tốt lành của

Esperanto (Esperanto)

kaj sidas dekstre de la Patro. Li venos denove en gloro juĝi la vivantojn kaj la mortintojn Kaj lia regno ne havos finon. Mi kredas je la Sankta Spirito, la Sinjoro, la donanto de la vivo, kiu eliras de la Patro kaj la Filo, kiu kun la Patro kaj la Filo estas adorataj kaj gloraj, kiu parolis tra la profetoj. Mi kredas je unu, sankta, katolika kaj apostola eklezio. Mi konfesas unu bapton pro pardono de pekoj kaj mi antaŭĝojas pri la releviĝo de la mortintoj kaj la vivo de la venonta mondo. Amen.

Homilio

Universala Preĝo

Ni preĝas al la Sinjoro.

Sinjoro, aŭdu nian preĝon.

Liturgio de la Eŭkaristio

Oferto

Feliĉa estu Dio por ĉiam.

Preĝu, fratoj (gefratoj), ke mia ofero kaj via eble estas akceptebla por Dio, la ĉiopova patro.

La Sinjoro akceptu la oferon ĉe viaj manoj pro la laŭdo kaj gloro de lia

Vietnamese (Tiếng Việt)

tất cả Giáo hội thánh thiện của Ngài.

Amen.

Cầu nguyện Thánh Thể

Chúa ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Nâng cao trái tim của bạn.

Chúng tôi nâng họ lên với Chúa.

Chúng ta hãy tạ ơn Chúa là Thiên Chúa của chúng ta.

Nó là đúng và chính xác.

Holy, Holy, Holy Lord God of host.

Trời và đất đầy vinh quang của bạn. Kinh tin kính chúa tối cao.

Phước cho kẻ nhân danh Chúa mà đến. Kinh tin kính chúa tối cao.

Bí ẩn của niềm tin.

Chúng tôi tuyên bố cái chết của bạn, hỡi Chúa, và tuyên bố sự phục sinh của bạn cho đến khi bạn trở lại. Hoặc: Khi chúng ta ăn Bánh này và uống Chén này, chúng tôi tuyên bố cái chết của bạn, hỡi Chúa, cho đến khi bạn trở lại. Hoặc: Cứu chúng tôi, Cứu Chúa của thế giới, vì Thập tự giá và sự Phục sinh của bạn đã giải phóng chúng tôi.

Amen.

Nghi thức Rước lễ

Theo lệnh của Saviour và được hình thành bởi sự dạy dỗ của thần thánh, chúng tôi dám nói:

Cha của chúng ta, Đấng ngự trên trời, linh thiêng là tên của bạn; vương quốc của bạn đến, bạn sẽ

Esperanto (Esperanto)

nomo, Por nia bono kaj la bono de sia tuta sankta preĝejo.

Amen.

Eŭkaristia Preĝo

La Sinjoro estu kun vi.

Kaj kun via spirito.

Levu viajn korojn.

Ni levas ilin al la Sinjoro.

Ni danku la Sinjoron, nia Dio.

Ĝi pravas kaj justas.

Sankta, Sankta, Sankta Sinjoro Dio de Gastigantoj. Ĉielo kaj la tero estas plenaj de via gloro. Hosanna en la plej alta. Feliĉa estas li, kiu venas en la nomo de la Sinjoro. Hosanna en la plej alta.

La mistero de fido.

Ni proklamas vian morton, ho Sinjoro, kaj profesiu vian reviviĝon ĝis vi revenos. Aŭ: Kiam ni manĝas ĉi tiun panon kaj trinkas ĉi tiun tason, Ni proklamas vian morton, ho Sinjoro, ĝis vi revenos. Aŭ: Savu nin, savanto de la mondo, ĉar per via kruco kaj reviviĝo Vi liberigis nin.

Amen.

Komunuma Rito

Laŭ la ordono de la Savanto Kaj formita de dia instruado, ni kuraĝas diri:

Nia Patro, kiu arto en la ĉielo, sanktigata estu via nomo; Via regno venas, Via volo estos farita

Vietnamese (Tiếng Việt)

được thực hiện dưới đất cũng như trên trời. Cho chúng tôi miếng ăn hằng ngày, và tha thứ cho chúng tôi những vi phạm của chúng tôi, khi chúng ta tha thứ cho những ai xâm phạm chúng ta; và dẫn chúng ta không bị cám dỗ, nhưng hãy giải cứu chúng ta khỏi sự dữ.

Lạy Chúa, xin giải thoát chúng con khỏi mọi điều ác, ân cần ban cho hòa bình trong thời đại của chúng ta, điều đó, nhờ sự giúp đỡ của lòng thương xót của bạn, chúng ta có thể luôn luôn thoát khỏi tội lỗi và an toàn trước mọi khó khăn, khi chúng ta chờ đợi niềm hy vọng may mắn và sự xuất hiện của Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, Chúa Giê Su Ky Tô.

Đối với vương quốc, quyền lực và vinh quang là của bạn bây giờ và mãi mãi.

Lạy Chúa Giêsu Kitô, ai đã nói với các Sứ đồ của bạn: Bình yên tôi để lại cho bạn, bình yên của tôi tôi cho bạn, đừng nhìn vào tội lỗi của chúng ta, nhưng dựa trên đức tin của Giáo hội của bạn, và ân cần ban cho cô ấy hòa bình và thống nhất phù hợp với ý muốn của bạn. Ai sống và trị vì mãi mãi.

Amen.

Sự bình an của Chúa luôn ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Chúng ta hãy cho nhau dấu chỉ của hòa bình.

Esperanto (Esperanto)

sur la tero kiel ĝi estas en la ĉielo.
Donu al ni hodiaŭ nian ĉiutagan panon, kaj pardonu al ni niajn kulpojn, Dum ni pardonas tiujn, kiuj kulpas kontraŭ ni; kaj konduku nin ne en tenton, Sed savu nin de malbono.

Savu nin, Sinjoro, ni preĝas, de ĉiu malbono, Gracie donu pacon en niaj tagoj, ke, helpe de via kompatemo, Ni eble ĉiam estas liberaj de peko kaj sekura de ĉia mizero, Dum ni atendas la benitan esperon kaj la alveno de nia Savanto, Jesuo Kristo.

Por la regno, La potenco kaj la gloro estas viaj nun kaj por ĉiam.

Sinjoro Jesuo Kristo, kiu diris al viaj apostoloj: Paco mi forlasas vin, mia paco mi donas al vi, Ne rigardu niajn pekojn, Sed sur la fido de via preĝejo, kaj gracie koncedu ŝian pacon kaj unuecon Konforme al via volo. Kiu vivas kaj regas por ĉiam kaj ĉiam.

Amen.

La paco de la Sinjoro estu kun vi ĉiam.

Kaj kun via spirito.

Ni proponu unu la alian la signon de paco.

Vietnamese (Tiếng Việt)

Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cất đi tội lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi. Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cất đi tội lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi. Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cất đi tội lỗi của thế giới, ban cho chúng tôi hòa bình.

Kìa Chiên Con của Đức Chúa Trời,
Kìa người cất tội lỗi thế gian.
Phước cho những ai được gọi đến
bữa tối của Chiên Con.

Chúa ơi, con không xứng đáng mà bạn nên vào dưới mái nhà của tôi, nhưng chỉ nói lời nói và linh hồn tôi sẽ được chữa lành.

Mình (Máu) của Đấng Christ.

Amen.

Hãy cùng cầu nguyện.

Amen.

Kết thúc nghi thức

Ban phước

Chúa ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Xin Chúa toàn năng phù hộ cho bạn, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Amen.

Sa thái

Đi ra ngoài, thánh lễ đã kết thúc.

Hoặc: Ra đi loan báo Tin Mừng của Chúa. Hoặc: Ra đi trong bình an, đời đời bạn làm vinh hiển Chúa. Hoặc: Đi trong hòa bình.

Tạ ơn thần.

Esperanto (Esperanto)

Ŝafido de Dio, vi forprenas la pekojn de la mondo, Kompatu nin.
Ŝafido de Dio, vi forprenas la pekojn de la mondo, Kompatu nin.
Ŝafido de Dio, vi forprenas la pekojn de la mondo, donu al ni pacon.

Jen la Ŝafido de Dio, Jen li, kiu forprenas la pekojn de la mondo.
Feliĉaj estas tiuj vokitaj al la vespermanĝo de la ŝafido.

Sinjoro, mi ne indas ke vi eniru sub mian tegmenton, sed nur diru la vorton kaj mia animo resaniĝos.

La korpo (sango) de Kristo.

Amen.

Ni preĝu.

Amen.

Finantaj ritoj

Beno

La Sinjoro estu kun vi.

Kaj kun via spirito.

Ke ĉiopova Dio benu vin, La Patro, kaj la Filo, kaj la Sankta Spirito.

Amen.

Maldungo

Eliru, la maso estas finita. Aŭ: Iru kaj anoncu la Evangelion de la Sinjoro. Aŭ: iru en paco, glorante la Sinjoron per via vivo. Aŭ: iru en paco.

Dankon al Dio.

massineverylanguage.com

© 2022 Copyright Calgorithms LLC